TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-02-2018.
V/v: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Châu Văn Sơn.

2/ Bà Võ Thị Thanh Thủy.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Phước Mãi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2017/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2017, về việc: "Ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thúy D**, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Số xx, ấp B, thị trấn T, huyện T, tỉnh L (Có mặt).

2/ Bị đơn: **Anh Đặng Xuân T**, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Số xx, Nguyễn Văn T, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh L (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, ngày 24/10/2017 và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thúy D, như sau:

Qua thời gian tìm hiểu và quen biết nhau được 01 năm, chị và anh Đặng Xuân T tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới ngày 09/10/2014 (âm lịch) và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh L, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số xx/2014, quyển số xx/2014 ngày xx/xx/2014. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh T, khoảng 01 năm sau khi cưới chị về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến ngày 01/5/2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẩn, bất đồng về quan điểm, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu về thì vợ chồng xảy ra cải vã và đánh nhau. Ngoài ra, anh T không lo làm ăn, chăm sóc vợ con, thường hay đến nhà cha, mẹ ruột của chị kiếm chuyện với chị và chửi mắng cha mẹ chị nên chị và anh T sống ly thân từ tháng 05/2017 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đặng Xuân T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Xuân T1, sinh ngày 27/8/2015, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thúy D xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thúy D xác định không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn, anh Đặng Xuân T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo về phiên hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Do anh T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Thúy D yêu cầu ly hôn với anh Đặng Xuân T là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn, anh Đặng Xuân T, đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy D xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Chị D yêu cầu được ly hôn với anh T với lý do là sau khi kết hôn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẩn, bất đồng về quan điểm, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu về thì vợ chồng xảy ra cải vã đánh nhau. Ngoài ra, anh T không lo làm ăn, chăm sóc vợ con, thường hay đến nhà cha, mẹ ruột của chị kiếm chuyện với chị và chửi mắng cha mẹ chị nên chị và anh T sống ly thân từ tháng 05/2017 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ đã tiến hành các thủ tục về cấp tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng minh anh T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D yêu cầu được ly hôn là có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Xuân T1, sinh ngày 27/8/2015, hiện đang sống với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì cháu T1 sống với chị D. Vì cháu T còn nhỏ và để ổn định tình cảm, sinh hoạt cho cháu nên cần duy trì việc nuôi dưỡng này. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng: Khi ly hôn chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Xét, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Khi chấm dứt quan hệ hôn nhân giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, bên không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị D nuôi

con, anh T phải cấp dưỡng. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho con chung tên Đặng Xuân T1 là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện sinh hoạt, học tập hàng ngày của cháu T1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chia tài sản: Chị D xác định không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nghĩa vụ trả nợ: Chị D xác định không có nợ ai nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn theo quy định là 300.000đ. Anh Đặng Xuân T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 227, 228, 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy D. Chị Nguyễn Thị Thúy D được ly hôn với anh Đặng Xuân T.

2/ Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng Xuân T1, sinh ngày 27/8/2015. Anh Đặng Xuân T phải phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng bắt đầu vào ngày 08/02/2018.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thúy D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04916, ngày 10/11/2017của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Chị D đã nộp đủ án phí.

Anh Đặng Xuân T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/02/2018). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Tân Trụ;*
- *CC THA DS huyện Tân Trụ;*
- *UBND thị trấn T, huyện T;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trà Thanh Tấn